

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP
DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 25



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Xuân Lũng	Chủ tịch
Ông Phùng Tuấn Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Sĩ Đàm	Ủy viên
Ông Lê Thuận Khương	Ủy viên
Ông Phạm Quang Huy	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Tuấn Hà	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Sĩ Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Tiến Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Số: *222* /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") từ trang 3 đến trang 25. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



[Signature]
Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 8 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

[Signature]
Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		996.714.806.541	641.963.391.614
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	197.634.266.566	99.849.241.355
1. Tiền	111		69.234.266.566	88.949.241.355
2. Các khoản tương đương tiền	112		128.400.000.000	10.900.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.376.791.095	18.376.791.095
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	49.900.000.000	49.900.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	6	(31.523.208.905)	(31.523.208.905)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		738.888.942.547	391.339.580.476
1. Phải thu khách hàng	131		39.456.316.666	66.066.421.422
2. Trả trước cho người bán	132		3.384.405.391	4.577.516.002
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		685.232.571.084	204.918.018.278
4. Các khoản phải thu khác	135	7	12.430.049.406	119.847.884.774
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.614.400.000)	(4.070.260.000)
IV. Hàng tồn kho	140		17.813.315.154	84.122.531.956
1. Hàng tồn kho	141	8	17.813.315.154	84.122.531.956
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.001.491.179	48.275.246.732
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		44.780.200	45.000.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.121.932.917	47.997.201.766
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.528.101.565	71.200.711
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		306.676.497	161.844.255
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		788.553.713.584	909.187.877.288
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	18.930.229.527
1. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	18.930.229.527
II. Tài sản cố định	220		134.164.190.581	143.730.529.393
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	24.087.218.644	30.716.264.856
- Nguyên giá	222		61.367.880.662	64.049.449.901
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.280.662.018)	(33.333.185.045)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	100.205.730.039	100.264.961.541
- Nguyên giá	228		100.680.022.269	100.623.664.269
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(474.292.230)	(358.702.728)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	9.871.241.898	12.749.302.996
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		478.721.703.305	563.273.403.305
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	445.861.746.056	420.413.446.056
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	30.859.957.249	30.859.957.249
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.000.000.000	112.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		175.667.819.698	183.253.715.063
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	174.647.819.698	182.233.715.063
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.020.000.000	1.020.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.785.268.520.125	1.551.151.268.902

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		689.791.022.985	380.220.247.618
I. Nợ ngắn hạn	310		677.711.611.333	363.332.898.194
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	480.893.712.000	50.027.681.743
2. Phải trả người bán	312		52.605.903.192	166.793.170.650
3. Người mua trả tiền trước	313		2.139.282.877	895.225.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		5.090.776.352	6.349.349.569
5. Phải trả người lao động	315		11.308.012.328	12.492.674.687
6. Chi phí phải trả	316		500.000.000	562.296.753
7. Phải trả nội bộ	317		-	43.568.746.838
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		79.335.561.184	36.130.986.770
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		45.838.363.400	46.512.766.184
II. Nợ dài hạn	330		12.079.411.652	16.887.349.424
1. Phải trả dài hạn khác	333		47.500.000	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	16	2.384.768.000	16.782.854.555
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.298.894	104.494.869
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		9.645.844.758	-
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		1.095.477.497.140	1.170.931.021.284
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	1.095.477.497.140	1.170.931.021.284
1. Vốn điều lệ	411		698.420.000.000	698.420.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		128.358.940.301	128.358.940.301
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		33.678.648.352	33.678.648.352
4. Cổ phiếu quỹ	414		(9.150.605.990)	(9.150.605.990)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		20.717.273	22.812.736
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		66.229.395.072	65.617.423.945
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		177.920.402.132	253.983.801.940
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.785.268.520.125	1.551.151.268.902

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Ngoại tệ các loại

30/6/2012

31/12/2011

93.267,43

493.137,08



Phùng Tuấn Hà
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

(Signature)

Đào Văn Đại
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	882.725.277.097	582.543.845.363
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		882.725.277.097	582.543.845.363
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	822.082.181.596	524.819.196.288
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	20		60.643.095.501	57.724.649.075
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	65.779.088.253	114.013.468.798
7. Chi phí tài chính	22	22	20.046.167.347	33.455.306.890
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.987.270.793	35.364.155.959
8. Chi phí bán hàng	24		20.040.897.122	16.267.987.635
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		27.339.431.914	24.258.346.078
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		58.995.687.371	97.756.477.270
11. Thu nhập khác	31		3.175.508.214	61.650.950.606
12. Chi phí khác	32		1.111.604.769	1.286.520
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.063.903.445	61.649.664.086
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		61.059.590.816	159.406.141.356
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	8.443.806.282	8.242.870.318
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	2.591.873.071
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		52.615.784.534	148.571.397.967



Phùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Đào Văn Đại
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

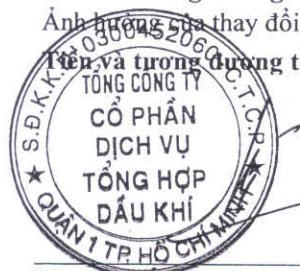
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	61.059.590.816	159.406.141.356
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.446.839.397	1.294.472.109
Các khoản dự phòng	03	(2.455.860.000)	(1.954.962.672)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(65.098.586.966)	(62.626.461.605)
Chi phí lãi vay	06	19.987.270.793	35.364.155.959
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	15.939.254.040	131.483.345.147
(Tăng) các khoản phải thu	09	(259.698.750.714)	(284.266.306)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	66.309.216.802	(26.687.886.819)
(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(164.037.097.948)	(245.821.328.802)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	4.366.679.512	(931.403.555)
Tiền lãi vay đã trả	13	(19.298.085.946)	(31.887.127.815)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.572.638.641)	(4.468.246.740)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.446.000.000)	(6.233.064.494)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(369.437.422.895)	(184.829.979.384)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.838.950.630)	(21.140.562.749)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	478.000.000	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.005.441.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	114.551.700.000	-
5. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	22.913.954.834	6.480.502.577
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	130.099.263.204	(14.660.060.172)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI			
1. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	594.120.390.759	869.064.418.653
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(177.650.208.857)	(670.332.036.072)
3. Tiền chi trả cổ tức	36	(79.346.997.000)	(71.416.655.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	337.123.184.902	127.315.726.981
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	97.785.025.211	(72.174.312.575)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	99.849.241.355	301.382.733.411
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	3.159.470
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	197.634.266.566	229.211.580.306



Phùng Tuấn Hà
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Đào Văn Đại
 Đào Văn Đại
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 09 số 0300452060 ngày 09 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”).

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 95 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 123).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ về sinh hoạt, đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí; kinh doanh điện thoại di động và các linh kiện dùng cho điện thoại, phân phối máy tính, kinh doanh bất động sản, lập dự án đầu tư, đại lý vé máy bay, vệ sinh khu nhà và các công trình, bán buôn hóa chất, máy móc thiết bị phục vụ cho vệ sinh công nghiệp, dịch vụ quản lý bất động sản, bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, nhựa tổng hợp, sản xuất bao bì từ nhựa tổng hợp, xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, phương tiện vận tải, văn phòng; kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế, khách sạn, nhà ở; chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, hàng nông hải sản; mua bán máy móc thiết bị; làm đại lý mua bán hàng hóa, kinh doanh xăng dầu; xây dựng dân dụng và công nghiệp; sản xuất bao bì, phân bón; buôn bán chất dẻo dạng nguyên sinh; buôn bán nhựa tổng hợp; sản xuất bao bì từ plastic (trừ tái chế phế thải).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	14,2 - 20
Phương tiện vận tải	14,2 - 20
Dụng cụ quản lý	25 - 33

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là tám (08) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² sàn tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

Khoản chi phí trả trước dài hạn khác là khoản trả trước tiền thuê kho Hồ Nai - Đồng Nai được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí này được vốn hóa dưới hình thức khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn thuê kho.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác. Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con là các khoản đầu tư vào các đơn vị do Tổng Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích từ hoạt động này.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư chưa lập dự phòng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trên khoản mục Chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ). Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS 10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 tăng 2.095.463 VND (năm 2011 tăng 9.597.492.912 VND) và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 sẽ tăng 20.717.273 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tăng 22.812.736 VND) so với áp dụng theo VAS 10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2012, Tổng Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6% lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày
 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	280.020.813	656.471.900
Tiền gửi ngân hàng	68.954.245.753	88.292.769.455
Các khoản tương đương tiền	128.400.000.000	10.900.000.000
	<u>197.634.266.566</u>	<u>99.849.241.355</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng.

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí (i)	39.500.000.000	39.500.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí (i)	10.400.000.000	10.400.000.000
	<u>49.900.000.000</u>	<u>49.900.000.000</u>

(i) Theo Quyết định số 313/QĐ-DVTHDK-HĐQT và số 314/QĐ-DVTHDK-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2011, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty quyết định sẽ giải thể Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí ("Petrosetco Thương mại") và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("Petrosetco Sài Gòn") kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012. Hiện tại, Petrosetco Thương mại và Petrosetco Sài Gòn đang làm các thủ tục quyết toán thuế để chính thức giải thể trong năm 2012. Theo đó, giá trị khoản đầu tư vào Petrosetco Thương mại và Petrosetco Sài Gòn sẽ được trình bày tại khoản mục "Đầu tư ngắn hạn" - mã số 121 thay vì khoản mục "Đầu tư vào công ty con" - mã số 251 trên bảng cân đối kế toán.

6. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí	29.882.192.415	29.882.192.415
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí	1.641.016.490	1.641.016.490
	<u>31.523.208.905</u>	<u>31.523.208.905</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận của Công ty con (i)	8.558.891.361	95.310.843.650
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	-	20.594.053.615
Khác	3.871.158.045	3.942.987.509
	<u>12.430.049.406</u>	<u>119.847.884.774</u>

(i) Là khoản phải thu lợi nhuận sau thuế của Công ty TNHH Phân phối Tổng hợp Dầu khí ("Petrosetco Phân phối") cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 11 năm 2011 (Petrosetco Phân phối chính thức chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 12 năm 2011).

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng hóa	17.813.315.154	84.122.531.956
	<u>17.813.315.154</u>	<u>84.122.531.956</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày

01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải	Dụng cụ, quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	49.525.657.390	4.851.134.554	5.843.394.810	3.829.263.147	64.049.449.901
Mua trong kỳ	-	-	-	58.990.910	58.990.910
Đầu tư XDCB hoàn thành	7.580.000.000	-	-	-	7.580.000.000
Tăng do điều chuyển	4.147.068.387	70.682.000	1.080.785.474	967.065.205	6.265.601.066
Thanh lý	-	-	(681.801.264)	-	(681.801.264)
Góp vốn bằng tài sản cố định	(12.862.478.625)	(2.792.070.181)	-	(249.811.145)	(15.904.359.951)
Tại ngày 30/6/2012	48.390.247.152	2.129.746.373	6.242.379.020	4.605.508.117	61.367.880.662
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	27.308.352.545	2.398.405.868	2.088.678.457	1.537.748.175	33.333.185.045
Khấu hao trong kỳ	1.273.630.426	171.245.903	384.672.750	558.058.816	2.387.607.895
Điều chuyển	3.536.560.780	31.806.896	1.080.785.474	922.956.510	5.572.109.660
Thanh lý	-	-	(481.524.343)	-	(481.524.343)
Giảm do góp vốn	(2.961.825.953)	(516.175.264)	-	(52.715.022)	(3.530.716.239)
Tại ngày 30/6/2012	29.156.717.798	2.085.283.403	3.072.612.338	2.966.048.479	37.280.662.018
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2012	19.233.529.354	44.462.970	3.169.766.682	1.639.459.638	24.087.218.644
Tại ngày 31/12/2011	22.217.304.845	2.452.728.686	3.754.716.353	2.291.514.972	30.716.264.856

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 15.580.840.138 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 8.604.929.573 VND).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	100.112.600.381	511.063.888	100.623.664.269
Tăng trong kỳ	-	56.358.000	56.358.000
Tại ngày 30/6/2012	100.112.600.381	567.421.888	100.680.022.269
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	-	358.702.728	358.702.728
Khấu hao trong kỳ	-	59.231.502	59.231.502
Nhận điều chuyển	-	56.358.000	56.358.000
Tại ngày 30/6/2012	-	474.292.230	474.292.230
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2012	100.112.600.381	93.129.658	100.205.730.039
Tại ngày 31/12/2011	100.112.600.381	152.361.160	100.264.961.541

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	2011
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ/năm	12.749.302.996	6.952.877.838
Tăng trong kỳ/năm	4.779.959.720	23.999.383.298
Kết chuyển sang tài sản cố định	7.580.000.000	13.347.369.059
Giảm khác trong kỳ/năm	78.020.818	4.855.589.081
Tại ngày cuối kỳ/năm	9.871.241.898	12.749.302.996

Chi tiết theo công trình:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Dự án Trần Khắc Chung và Lê Quang Định	202.211.970	202.211.970
Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Dung Quất	9.148.671.227	12.026.732.325
Dự án 41D Vũng Tàu	31.579.510	31.579.510
Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	488.779.191	488.779.191
	9.871.241.898	12.749.302.996

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Công ty con	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	Tp. HCM	95,5%	95,5%	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	Tp. HCM	100%	100%	Thương mại, dịch vụ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Vũng Tàu	80%	80%	Cung cấp dịch vụ
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	89%	89%	Thương mại và dịch vụ
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	Hà Nội	88,2%	88,2%	Quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	Bạc Liêu	51%	51%	Sản xuất bao bì
Công ty TNHH Petrosetco - SSG	Tp. HCM	51%	51%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	Tp. HCM	62,67%	63,14%	Thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi, phần mềm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày
 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	113.700.000.000	113.700.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	31.681.662.678	31.681.662.678
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội	30.362.282.732	30.362.282.732
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	73.341.999.232	47.893.699.232
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	95.230.000.000	95.230.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	66.160.637.417	66.160.637.417
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	20.400.000.000	20.400.000.000
Công ty TNHH Petrosetco - SSG	9.985.163.997	9.985.163.997
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	5.000.000.000	5.000.000.000
	445.861.746.056	420.413.446.056

13. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí	16.500.000.000	16.500.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	14.359.957.249	14.359.957.249
	30.859.957.249	30.859.957.249

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí (PV-Building)	Quảng Ngãi	30	30	Quản lý và khai thác nhà ở
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	Bà Rịa-Vũng Tàu	24	24	Dịch vụ cho thuê văn phòng

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng (i)	172.453.691.167	176.592.976.755
Trang thiết bị, công cụ, dụng cụ khách sạn Holiday Mansion	-	3.413.205.790
Thuê kho Hồ Nai	2.194.128.531	2.227.532.518
	174.647.819.698	182.233.715.063

(i) Là khoản trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² sàn tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (i)	480.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (USD)	-	16.444.747.400
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (VND)	-	24.838.431.371
Nợ dài hạn đến hạn trả	893.712.000	8.744.502.972
	<u>480.893.712.000</u>	<u>50.027.681.743</u>

(i) Ngày 07 tháng 3 năm 2012, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay ngắn hạn với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với hạn mức là 1.000.000.000.000 VND. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2012. Thời hạn vay từ ngày ký hợp đồng cho đến hết ngày 25 tháng 12 năm 2012. Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam cộng 0,1%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, số tiền đã được giải ngân là 480.000.000.000 VND.

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	-	11.348.670.555
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận (i)	2.384.768.000	5.434.184.000
	<u>2.384.768.000</u>	<u>16.782.854.555</u>

(i) Ngày 20 tháng 9 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận với số tiền 9.700.000.000 VND để Cải tạo, sửa chữa khách sạn Holiday Mansion tại Vũng Tàu. Khoản vay này được đảm bảo bằng bất động sản số 12 Trương Công Định, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc sở hữu của Tổng Công ty và lãi suất được quy định tại mỗi khế ước nhận nợ. Thời gian vay là 84 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, số dư của khoản vay này là 3.278.480.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 893.712.000 VND (31 tháng 12 năm 2011: 6.597.128.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 1.162.944.000 VND).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	893.712.000	8.744.502.972
Trong năm thứ hai	1.162.944.000	8.744.502.972
Từ năm thứ ba trở đi	1.221.824.000	8.038.351.583
	<u>3.278.480.000</u>	<u>25.527.357.527</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 15)	893.712.000	8.744.502.972
Số phải trả sau 12 tháng	<u>2.384.768.000</u>	<u>16.782.854.555</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày
 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Tổng số cổ phần làm cổ phiếu quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 788.880 cổ phần với giá trị là 9.150.605.990 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 788.880 cổ phần với giá trị là 9.150.605.990 VND).

	30/6/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	69.842.000	69.842.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69.842.000	69.842.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	788.880	788.880
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	788.880	788.880
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.053.120	69.053.120
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69.053.120	69.053.120
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300452060 điều chỉnh lần 09 ngày 9 tháng 11 năm 2010, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 699 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	30/6/2012		31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	246.092.850.000	35,24	246.092.850.000	35,24
Các cổ đông khác	452.327.150.000	64,76	452.327.150.000	64,76
	698.420.000.000	100	698.420.000.000	100

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày
01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09-DN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	698.420.000.000	128.358.940.301	21.375.272.138	(2.812.000.000)	9.620.305.648	37.527.327.643	192.065.688.583	1.084.555.534.313
Tăng trong năm	-	-	12.303.376.214	-	(9.597.492.912)	28.090.096.302	173.215.392.757	204.011.372.361
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	246.067.524.280	246.067.524.280
Phân phối quỹ (i)	-	-	12.303.376.214	-	-	23.994.781.302	(72.852.131.523)	(36.553.974.007)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá của năm trước	-	-	-	-	(9.620.305.648)	-	-	(9.620.305.648)
Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm cuối năm	-	-	-	-	22.812.736	-	-	22.812.736
Tăng khác	-	-	-	-	-	4.095.315.000	-	4.095.315.000
Giảm trong năm	-	-	-	6.338.605.990	-	-	111.297.279.400	117.635.885.390
Mua lại cổ phiếu	-	-	-	6.338.605.990	-	-	-	6.338.605.990
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	111.297.279.400	111.297.279.400
Số dư tại ngày 31/12/2011	698.420.000.000	128.358.940.301	33.678.648.352	(9.150.605.990)	22.812.736	65.617.423.945	253.983.801.940	1.170.931.021.284
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	(2.095.463)	611.971.127	48.232.216.192	48.842.091.856
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	52.615.784.534	52.615.784.534
Phân phối quỹ (i)	-	-	-	-	-	611.971.127	(4.383.568.342)	(3.771.597.215)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá của năm trước	-	-	-	-	(22.812.736)	-	-	(22.812.736)
Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm cuối kỳ	-	-	-	-	20.717.273	-	-	20.717.273
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	124.295.616.000	124.295.616.000
Chia cổ tức trong kỳ (ii)	-	-	-	-	-	-	124.295.616.000	124.295.616.000
Số dư tại ngày 30/6/2012	698.420.000.000	128.358.940.301	33.678.648.352	(9.150.605.990)	20.717.273	66.229.395.072	177.920.402.132	1.095.477.497.140

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày
 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết số 12/NQ-DVTHDK ngày 27 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty tạm trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận từ lợi nhuận năm 2011 với số tiền tương ứng là 23.994.781.301 VND, 12.303.376.214 VND, 10.992.454.242 VND và 25.561.519.766 VND.

Theo Nghị quyết số 06/NQ-DVTHDK ngày 10 tháng 4 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 vào Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng hoàn thành vượt kế hoạch với số tiền tương ứng là 24.606.752.428 VND, 12.303.376.214 VND, 14.764.051.457 VND và 25.561.519.766 VND.

Do vậy, số còn phải trích bổ sung của Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã hạch toán vào Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012.

- (ii) Theo Nghị quyết số 06/NQ-DVTHDK ngày 10 tháng 4 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty quyết định mức chi trả cổ tức của năm 2011 bằng tiền mặt với tỷ lệ 18% trên vốn điều lệ, tương đương 124.295.616.000 VND.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	835.345.417.347	526.990.690.080
Doanh thu cung cấp dịch vụ	47.379.859.750	55.553.155.283
	882.725.277.097	582.543.845.363

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	812.692.893.881	516.432.059.489
Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.389.287.715	8.387.136.799
	822.082.181.596	524.819.196.288

20. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	311.652.649	325.562.821
Chi phí nhân công	13.789.658.636	16.331.166.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.446.839.397	1.294.472.109
Chi phí hàng hóa, dịch vụ mua ngoài	34.878.432.604	28.822.538.227
Chi phí khác bằng tiền	5.343.033.465	6.809.043.193
	56.769.616.751	53.582.782.574

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày
 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.303.816.323	58.402.720.348
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	211.054.581	322.894.165
Lợi nhuận chuyển từ Công ty con	8.511.048.708	54.256.994.350
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.753.168.641	-
Thu nhập từ chuyển nhượng vốn	-	1.030.859.935
	65.779.088.253	114.013.468.798

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19.987.270.793	35.364.155.959
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	58.896.554	46.113.603
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(1.954.962.672)
	20.046.167.347	33.455.306.890

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	61.059.590.816	159.406.141.356
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>977.613.460</i>	<i>772.420.151</i>
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	977.613.460	772.420.151
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>28.261.979.149</i>	<i>115.901.656.929</i>
- Lợi nhuận chuyển về từ công ty con	8.511.048.708	54.256.994.350
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	(2.238.200)	-
- Cổ tức nhận được	19.753.168.641	-
- Lợi nhuận đánh giá lại tài sản tại Công ty con	-	61.644.662.579
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	33.775.225.127	44.276.904.578
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp 25% x 50%	-	12.102.633.613
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp 25%	33.775.225.127	26.920.164.462
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	8.443.806.282	8.242.870.318

Số thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 là số liệu tạm tính. Tổng Công ty sẽ xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức khi lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

24. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	10.597.439.211	10.718.662.695

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)**

Ngày 29 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty ký Phụ lục hợp đồng số 10020/2010/HD-DKVN thuê văn phòng làm việc và cho thuê với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại tòa nhà Petro Vietnam số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng diện tích thuê giảm xuống còn 2.619,37 m² (ban đầu là 4.844,36 m²), thời gian thuê là 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010. Tổng số tiền Tổng Công ty phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (chưa bao gồm thuế GTGT) là 185.727.354.531 VND.

Ngày 12 tháng 7 năm 2011, Tổng Công ty ký thêm Hợp đồng thuê văn phòng làm việc và cho thuê số 6211/2011/HD-DKVN với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, thuê thêm tầng 2 và một phần tầng 6 của tòa nhà Petro Vietnam số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng diện tích thuê thêm là 2.224,99 m², giá thuê là 5.1174,77 USD/tháng (tương đương 1.065.868.110 VND/tháng).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	21.068.988.489	21.068.988.489
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	67.282.247.262	69.709.919.647
Sau năm năm	701.237.020.366	709.406.787.192
	789.588.256.117	800.185.695.328

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và số 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	197.634.266.566	99.849.241.355
Phải thu khách hàng và phải thu khác	735.504.537.156	405.692.294.001
Đầu tư dài hạn	2.000.000.000	112.000.000.000
Tài sản tài chính khác	1.123.503.497	1.117.912.428
Tổng cộng	936.262.307.219	618.659.447.784
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	483.278.480.000	66.810.536.298
Phải trả người bán và phải trả khác	131.920.888.013	246.267.411.844
Chi phí phải trả	500.000.000	562.296.753
Tổng cộng	615.699.368.013	313.640.244.895

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

30/6/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	480.893.712.000	2.384.768.000	483.278.480.000
Phải trả người bán và phải trả khác	131.920.888.013	-	131.920.888.013
Chi phí phải trả	500.000.000	-	500.000.000
	613.314.600.013	2.384.768.000	615.699.368.013
31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	50.027.681.743	16.782.854.555	66.810.536.298
Phải trả người bán và phải trả khác	246.267.411.844	-	246.267.411.844
Chi phí phải trả	562.296.753	-	562.296.753
	296.857.390.340	16.782.854.555	313.640.244.895

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

30/6/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	197.634.266.566	-	197.634.266.566
Phải thu khách hàng và phải thu khác	735.504.537.156	-	735.504.537.156
Đầu tư dài hạn	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Tài sản tài chính khác	103.503.497	1.020.000.000	1.123.503.497
	933.242.307.219	3.020.000.000	936.262.307.219

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	99.849.241.355	-	99.849.241.355
Phải thu khách hàng và phải thu khác	386.762.064.474	18.930.229.527	405.692.294.001
Đầu tư dài hạn	-	112.000.000.000	112.000.000.000
Tài sản tài chính khác	97.912.428	1.020.000.000	1.117.912.428
	486.709.218.257	131.950.229.527	618.659.447.784

26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Trong tháng 7 năm 2012, Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí ("PSD") - công ty con của Tổng Công ty đã ký hợp đồng hợp tác chiến lược với Công ty Điện tử Samsung Electronics Việt Nam, theo đó PSD sẽ trở thành đối tác cung ứng cho sản phẩm điện thoại di động và máy tính bảng của Samsung trên toàn Việt Nam. Bên cạnh đó, PSD cũng đang trong quá trình thương thảo để chấm dứt hợp đồng hợp tác với Nokia Sales International Oy.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được soát xét.



Phùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Đào Văn Đại
Kế toán trưởng

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 11, Phòng 1101, Trung tâm Thương mại Sài Gòn
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +84 8 3910 0751
Fax: +84 8 3910 0750

www.deloitte.com/vn

© 2011 Deloitte Việt Nam